

Số: **226/QĐ-UBND**

Quảng Ngãi, ngày 19 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
Tiêu úng, thoát lũ, chống sạt lở vùng hạ lưu Sông Thoá (đợt 2),
gồm các gói thầu: Số 15, 18, 20, 21, 22, 23, 24 và 26a**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/04/2017 về sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/03/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính Quy định quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 31/3/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Tiêu úng, thoát lũ, chống sạt lở vùng hạ lưu Sông Thoá;

Căn cứ Quyết định số 1920/QĐ-UBND ngày 01/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh nguồn vốn dự án đầu tư xây dựng công trình Tiêu úng, thoát lũ, chống sạt lở vùng hạ lưu Sông Thoá;

Căn cứ Quyết định số 1159/QĐ-UBND ngày 14/7/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án Tiêu úng, thoát lũ, chống sạt lở vùng hạ lưu Sông Thoá;

Căn cứ Quyết định số 1386/QĐ-UBND ngày 02/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy mô và cơ cấu tổng mức đầu tư dự án Tiêu úng, thoát lũ, chống sạt lở vùng hạ lưu Sông Thoá;

Xét đề nghị của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi tại Tờ trình số 1615/TTr-KTCTTL ngày 05/12/2018 về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Tiêu úng, thoát lũ, chống sạt lở vùng hạ

lưu Sông Thoá (đợt 2), gồm các gói thầu: Số 15, 18, 20, 21, 22, 23, 24, 26a và Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo số 28/BC-STC-ĐT ngày 12/02/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành (đợt 2), gồm các gói thầu: Số 15, 18, 20, 21, 22, 23, 24 và 26a

- Tên dự án: Tiêu úng, thoát lũ, chống sạt lở vùng hạ lưu Sông Thoá.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi.
- Địa điểm xây dựng: Các huyện Mộ Đức, Đức Phổ và Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.
- Thời gian khởi công, hoàn thành (thực tế): Khởi công tháng 4/2014; hoàn thành tháng 10/2018.

Điều 2. Kết quả đầu tư.

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn	Giá trị phê duyệt quyết toán (đợt 2)	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Còn được thanh toán
Tổng số	83.689.864.000	76.845.871.000	6.843.993.000
Ngân sách Trung ương và Ngân sách tỉnh	83.689.864.000	76.845.871.000	6.843.993.000

2. Chi phí đầu tư quyết toán:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán	Giá trị quyết toán (đợt 2)
Xây dựng + Thiết bị	85.826.688.000	83.689.864.000
- Gói thầu số 15:	12.756.781.000	12.291.676.000
- Gói thầu số 18:	7.533.353.000	7.254.897.000
- Gói thầu số 20:	7.088.369.000	6.963.456.000
- Gói thầu số 21:	12.242.488.000	12.242.488.000
- Gói thầu số 22:	8.663.277.000	8.573.236.000
- Gói thầu số 23:	14.936.272.000	14.479.584.000
- Gói thầu số 24:	7.442.312.000	7.016.989.000
- Gói thầu số 26a:	15.163.836.000	14.867.538.000

(Chi tiết có Phụ lục số I kèm theo)

- Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: 0 đồng.
- Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)
Tổng số	0		83.689.864.000	
1. Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	0		83.689.864.000	
2. Tài sản ngắn hạn	0		0	

- Vật tư thiết bị tồn đọng: Không.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan.

- Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	83.689.864.000	
Ngân sách Trung ương + Ngân sách tỉnh	83.689.864.000	

- Tổng các khoản công nợ tính đến thời điểm thẩm tra là:

+ Tổng nợ phải thu: 290.252.000 đồng.

+ Tổng nợ phải trả: 7.134.245.000 đồng.

Nguồn vốn trả nợ (đợt 2): Từ nguồn thu hồi do thanh toán vượt là 290.252.000 đồng và sử dụng số tiền đã thu hồi khôi phục nguồn vốn của dự án theo các Kết luận Thanh tra Nhà nước; đồng thời trình cấp thẩm quyền bố trí nguồn vốn bổ sung từ Ngân sách tỉnh để thanh toán công nợ.

Chi tiết các khoản công nợ theo số phải thu, phải trả của từng đơn vị tại Phụ lục số II kèm theo.

- Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi	83.689.864.000	0

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan:

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi (chủ đầu tư) có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm túc đầy đủ nội dung ý kiến của Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm tra số 28/BC-STC-ĐT ngày 12/02/2019 và nội dung quyết toán dự án hoàn thành (đợt 2) được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(NL), CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TNak102.

KT. CHỦ TỊCH
CHỖ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tăng Bình

Phụ lục số I

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐẦU TƯ ĐƯỢC QUYẾT TOÁN

Dự án: **Tiền nhân dân** chống sạt lở vùng hạ lưu Sông Thoá (đợt 2), gồm các gói thầu: Số 15, 18, 20, 21, 22, 23, 24 và 26a
 Quyết định số: **226 /QĐ-UBND** ngày **19 / 02/2019** của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi



Đơn vị tính: đồng

Stt	Cơ sở	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị Chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng (+), giảm (-) so với dự toán	Tăng (+), giảm (-) so với Chủ đầu tư trình
A	Chi phí đã phê duyệt quyết toán (đợt 1) tại Quyết định số 2141/QĐ-UBND ngày 30/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	84.215.034.000	82.967.766.000	82.618.617.000	-1.596.417.000	-349.149.000
1	Chi phí xây dựng + thiết bị	84.215.034.000	82.967.766.000	82.618.617.000	-1.596.417.000	-349.149.000
B	Chi phí đề nghị quyết toán đợt này (đợt 2)	85.826.688.000	83.689.864.000	83.689.864.000	-2.136.824.000	0
I	Chi phí xây dựng + Thiết bị	85.826.688.000	83.689.864.000	83.689.864.000	-2.136.824.000	0
1	Gói thầu số 15 (Nạo vét, lên đê và xây dựng công trình trên kênh đoạn từ K13+332 đến K15+332)	12.756.781.000	12.291.676.000	12.291.676.000	-465.105.000	0
-	Giá trị hợp đồng ban đầu	13.875.661.000	12.291.676.000	12.291.676.000	-1.583.985.000	0
-	Giá trị giảm do điều chỉnh, bổ sung khối lượng cho phù hợp thực tế	-930.255.000	0	0	930.255.000	0
-	Giá trị giảm trừ của Thanh tra tỉnh	-188.625.000	0	0	188.625.000	0
2	Gói thầu số 18 (Nạo vét, lên đê và xây dựng công trình trên kênh đoạn từ K19+332 đến K20+705)	7.533.353.000	7.254.897.000	7.254.897.000	-278.456.000	0
-	Giá trị hợp đồng ban đầu	9.130.521.000	7.254.897.000	7.254.897.000	-1.875.624.000	0
-	Giá trị giảm do điều chỉnh, bổ sung khối lượng cho phù hợp thực tế	-1.538.037.000	0	0	1.538.037.000	0

Stt	Cơ cấu	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị Chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng (+), giảm (-) so với dự toán	Tăng (+), giảm (-) so với Chủ đầu tư trình
-	Giá trị giảm trừ của Thanh tra tỉnh	-59.131.000	0	0	59.131.000	0
3	Gói thầu số 20 (Nạo vét, lên đê và xây dựng công trình trên kênh đoạn từ K0+000 đến K4+798)	7.088.369.000	6.963.456.000	6.963.456.000	-124.913.000	0
4	Gói thầu số 21 (Nạo vét, lên đê và xây dựng công trình trên kênh đoạn từ K4+797,91 đến K6+084)	12.242.488.000	12.242.488.000	12.242.488.000	0	0
-	Giá trị hợp đồng ban đầu	12.516.084.000	12.242.488.000	12.242.488.000	-273.596.000	0
-	Giá trị giảm do điều chỉnh, bổ sung khối lượng cho phù hợp thực tế	-273.596.000	0	0	273.596.000	0
5	Gói thầu số 22 (Nạo vét, lên đê và xây dựng công trình trên kênh đoạn từ K6+084 đến K6+365)	8.663.277.000	8.573.236.000	8.573.236.000	-90.041.000	0
-	Giá trị hợp đồng ban đầu	9.113.708.000	8.573.236.000	8.573.236.000	-540.472.000	0
-	Giá trị giảm do điều chỉnh, bổ sung khối lượng cho phù hợp thực tế	-404.491.000	0	0	404.491.000	0
-	Giá trị giảm trừ của Thanh tra Bộ Xây dựng	-45.940.000	0	0	45.940.000	0
6	Gói thầu số 23 (Nạo vét, lên đê và xây dựng công trình trên kênh đoạn từ K6+365 đến K7+306,42)	14.936.272.000	14.479.584.000	14.479.584.000	-456.688.000	0
-	Giá trị hợp đồng ban đầu	14.755.253.000	14.479.584.000	14.479.584.000	-275.669.000	0
-	Giá trị tăng do điều chỉnh, bổ sung khối lượng cho phù hợp thực tế	207.610.000	0	0	-207.610.000	0
-	Giá trị giảm trừ của Thanh tra Bộ Xây dựng	-26.591.000	0	0	26.591.000	0

Stt	Cơ cấu	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị Chủ đầu tu trình	Giá trị quyết toán	Tăng (+), giảm (-) so với dự toán	Tăng (+), giảm (-) so với Chủ đầu tư trình
7	Gói thầu số 24 (Nạo vét, lên đê và xây dựng công trình trên kênh đoạn từ K7+306,42 đến K8+320,28)	7.442.312.000	7.016.989.000	7.016.989.000	-425.323.000	0
-	Giá trị hợp đồng ban đầu	7.604.535.000	7.016.989.000	7.016.989.000	-587.546.000	0
-	Giá trị giảm do điều chỉnh, bổ sung khối lượng cho phù hợp thực tế	-122.605.000	0	0	122.605.000	0
-	Giá trị giảm trừ của Thanh tra Bộ Xây dựng	-39.618.000	0	0	39.618.000	0
8	Gói thầu số 26a (Xây dựng các hạng mục công trình bổ sung)	15.163.836.000	14.867.538.000	14.867.538.000	-296.298.000	0
	Tổng cộng (A+B):	170.041.722.000	166.657.630.000	166.308.481.000	-3.733.241.000	-349.149.000

Phụ lục số II
BẢNG CÔNG NỢ

Dự án: Tiêu úng, thoát lũ, chống sạt lở vùng hạ lưu Sông Thoá (đợt 2), gồm các gói thầu: Số 15, 18, 20, 21, 22, 23, 24 và 26a
(Kèm theo Quyết định số: **226/QĐ-UBND** ngày **19/02/2019** của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)



Đơn vị tính: đồng

Stt	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Giá trị đã thanh toán	Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
					Phải thu (-)	Phải trả (+)
1	2	3	4	5	9=7-6	10=4-6
A		Chi phí đã phê duyệt quyết toán (đợt 1)	82.618.617.000	82.706.861.000	-88.244.000	0
I		Công nợ đã thực hiện	76.196.948.000	76.196.948.000	0	0
II		Công nợ còn lại	6.421.669.000	6.509.913.000	-88.244.000	0
1	Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng công trình Thủy lợi - Thủy điện	Thi công gói số 06 (phần thiết bị)	1.239.445.000	1.314.200.000	-74.755.000	0
2	Công ty TNHH Xây dựng Thiên Ấn	Thi công gói số 25 (phần xây lắp)	5.182.224.000	5.195.713.000	-13.489.000	0
B		Chi phí đề nghị quyết toán đợt này (đợt 2)	83.689.864.000	76.845.871.000	-290.252.000	7.134.245.000
I		Chi phí xây dựng + Thiết bị	83.689.864.000	76.845.871.000	-290.252.000	7.134.245.000
1		Gói thầu số 15	12.291.676.000	12.291.676.000	0	0
-	Công ty TNHH MTV Xây lắp Phước Thành	Xây lắp	7.878.329.000	7.878.329.000	0	0

Stt	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Giá trị đã thanh toán	Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
					Phải thu (-)	Phải trả (+)
-	Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại Bảo An	Xây lắp	4.413.347.000	4.413.347.000	0	0
2		Gói thầu số 18	7.254.897.000	7.254.897.000	0	0
-	Công ty TNHH Hùng Tiến	Xây lắp	4.897.341.000	4.897.341.000	0	0
-	Công ty TNHH Hiệp Hưng	Xây lắp	2.357.556.000	2.357.556.000	0	0
3		Gói thầu số 20	6.963.456.000	6.730.302.000	0	233.154.000
-	Công ty TNHH MTV Xây lắp Phước Thành	Xây lắp + thiết bị	6.963.456.000	6.730.302.000	0	233.154.000
4		Gói thầu số 21	12.242.488.000	12.242.488.000	0	0
-	Công ty TNHH MTV Xây lắp Phước Thành	Xây lắp	12.242.488.000	12.242.488.000	0	0
5		Gói thầu số 22	8.573.236.000	6.436.456.000	0	2.136.780.000
-	Công ty Cổ phần Xây dựng công trình Quảng Ngãi	Xây lắp	5.526.577.000	3.403.754.000	0	2.122.823.000
-	Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại Bảo An	Xây lắp	3.046.659.000	3.032.702.000	0	13.957.000
6		Gói thầu số 23	14.479.584.000	12.667.778.000	0	1.811.806.000
	Công ty Cổ phần Xây dựng Khánh Thịnh	Xây lắp	14.479.584.000	12.667.778.000	0	1.811.806.000
7		Gói thầu số 24	7.016.989.000	7.307.241.000	-290.252.000	0
	Công ty Cổ phần Xây dựng Khánh Thịnh	Xây lắp	7.016.989.000	7.307.241.000	-290.252.000	0
8		Gói thầu số 26a	14.867.538.000	11.915.033.000	0	2.952.505.000
-	Công ty TNHH MTV Xây lắp Phước Thành	Xây lắp	14.867.538.000	11.915.033.000	0	2.952.505.000
	Tổng cộng (A+B):		166.308.481.000	159.552.732.000	-378.496.000	7.134.245.000